

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 828/2023/HC-PT

Ngày: 15 - 9 - 2023

V/v Kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 733/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2227/2023/QĐPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Vũ Thị H (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ E, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mạnh H1 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1 N, phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trương Quốc T – Văn phòng L2 – Chi nhánh G thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ (xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Quang L (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

2/ Bà Nguyễn Võ Xuân Đ (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Ông Nguyễn Văn B (xin vắng mặt)

4/ Bà Trần Thị N (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn B (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5/ Ông Nguyễn Duy H2 (vắng mặt)

6/ Bà Phạm Thị T1 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

7/ Ông Ngô Quốc H3 (có mặt);

8/ Bà Nguyễn Thị L1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người kháng cáo: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quốc H3, bà Nguyễn Võ Xuân Đ, ông Nguyễn Văn B, ông Lê Quang L.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Người khởi kiện bà Vũ Thị H trình bày:

Vào tháng 01-2015, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông giải quyết việc tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa bà H với ông Lê Quang L. Trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành các quyết định phê duyệt và thu hồi đất đối với các thửa đất của các hộ mà các thửa đất đó vẫn nằm trong thửa đất số 212, tờ bản đồ 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 834879 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25-4-2013 đứng tên hộ ông Lê Quang L và bà Vũ Thị H. Do đó, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông hủy quyết định về việc thu hồi đất và hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đối

với 04 hộ cụ thể:

1. Hủy Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 về việc thu hồi 3.722,7m² và Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Ngô Quốc H3.

2. Hủy Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 về việc thu hồi 14.549,1m² và Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Duy H2.

3. Hủy Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 về việc thu hồi 302,4m² và Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Nguyễn Võ Xuân Đ.

4. Hủy Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 về việc thu hồi 522,6m² và Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Trần Thị N.

Ngày 26-12-2018 và ngày 15-8-2019 bà Vũ Thị H làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 về việc thu hồi 3556,2m² và hủy một phần quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 cho hộ ông Ngô Quốc H3; hủy một phần Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 về việc thu hồi 292,5m² và hủy một phần quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 cho hộ ông Nguyễn Duy H2. Đối với quyết định phê duyệt và quyết định thu hồi đất đối với các hộ bà N và bà Đ thì bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Ông Lê Mai T2 - người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Ngày 28-4-2016, UBND huyện Đ ban hành một số quyết định thu hồi đất để thực hiện công trình: Khu công nghiệp N (giai đoạn 3) với tổng diện tích đất thu hồi là 242.088,3m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, tổng số hộ bị ảnh hưởng là 68 hộ trong đó có các quyết định:

*Đối với các quyết định thu hồi đất: số 717, 775, 742, 741/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 về việc thu hồi diện tích đất của hộ ông Ngô Quốc H3, ông Nguyễn Duy H2; bà Nguyễn Võ Xuân Đ; bà Trần Thị N thì Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 và các văn bản cụ thể: tại điểm a khoản 2 Điều 62, Điều 66, Điều 67 và Điều 69 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 30 Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 29-01-2015 của UBND tỉnh Đ; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T5 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất.

*Đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Ngày 11-5-2016, UBND huyện Đ ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân gồm:

Quyết định số 842, 900, 867, 866/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Ngô Quốc H3, hộ ông Nguyễn Duy H2, hộ bà Nguyễn Võ Xuân Đ, hộ bà Trần Thị N.

Việc ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 và các văn bản cụ thể: khoản 2 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 30, Điều 31 của Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 29-01-2015 của UBND tỉnh Đ. Qua trình thực hiện đền bù, hỗ trợ các hộ dân đã thống nhất và không phát sinh khiếu kiện.

- Đối với các quyết định thu hồi đất: Thửa đất số 45, 46, 47, 48 và 57 thuộc mảnh trích đo địa chính số 06 bị thu hồi theo các quyết định số 739, 775, 741, 742 và quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 của UBND huyện Đ thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ 01, xã N, diện tích 5.655m² đất trồng cây lâu năm đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số BL 834879 ngày 25-4-2013 cho hộ ông L và bà Vũ Thị H. UBND huyện Đ nhận thấy: Thửa đất có nguồn gốc nhận tặng cho từ bố là ông Lê Quang T3. Năm 2002, ông L được cấp GCNQSD đất lần đầu số U193183 do UBND huyện Đ cấp ngày 05-8-2002, thửa 107, tờ bản đồ 01 tại xã N. Trong quá trình sử dụng ông L chuyển nhượng cho một số hộ trong đó có: Năm 2004- đến năm 2006 ông L chuyển nhượng cho hộ ông Ngô Quốc H3, Nguyễn Võ Xuân Đ, bà Hoàng Thị H4 (bà H4 chuyển nhượng lại cho ông H2), khi chuyển nhượng các bên có làm giấy tờ viết tay. Quá trình đo đạc, xác minh nguồn gốc đất ông L cho biết việc chuyển nhượng đất cho các hộ trên trước thời điểm ông L kết hôn với bà H. Tuy nhiên, do không đủ diện tích để được tách thửa nên chưa thực hiện thủ tục sang tên được.

Năm 2013, ông L tiếp tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Q, diện tích còn lại ông L được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số BL 834879 ngày 25-4-2013, thửa 212, tờ bản đồ 01, diện tích 5.655m² đất trồng cây lâu năm tại xã N. Ngày 25-01-2016 UBND huyện Đ ban hành quyết định số 99/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy đăng ký kết hôn số 30, quyền số 01/2007 của ông Lê Quang L và bà Vũ Thị H với lý do đăng ký không đúng trình tự, thủ tục. Như vậy, mặc dù thửa đất số 212, tờ bản đồ 01, diện tích 5.655m² đứng tên hộ ông L và bà H nhưng thực tế thửa đất này có nguồn gốc là tài sản riêng của ông L và ông L chuyển nhượng cho các hộ trước thời điểm kết hôn với bà H. Việc UBND huyện Đ ban hành các quyết định thu hồi đất đối với hộ ông H3, H2, N, Đ là trên cơ sở việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L với các hộ và UBND xã N đã xác nhận nguồn gốc nhận chuyển nhượng.

Do đó, bà H khởi kiện vụ án hành chính là không có căn cứ. Đề nghị giữ nguyên các quyết định thu hồi đất và đền bù, hỗ trợ của UBND huyện Đ đối với các hộ bà N, bà Đ, ông H2, ông H3.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang L trình bày:* Năm 1998, bố mẹ ông có cho ông diện tích 01 ha đất tại xã N, huyện Đ, đến năm 2002 ông L được cấp GCNQSD đất. Năm 2004 ông chuyển nhượng cho một số người. Năm 2011, đổi sổ đỏ thành sổ hồng do bà H có tên trong sổ hộ khẩu của ông nên UBND xã N có giải thích cần ghi tên 02 người nên giấy chứng nhận đứng tên ông Lê Quang L và bà Vũ Thị H, khi giải quyết vụ án hôn nhân tại Tòa

án cấp sơ thẩm thì bà H có ký vào biên bản mớ không có yêu cầu gì đối với diện tích đất tôi đã chuyển nhượng cho các hộ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ bà N, bà Đ, ông H2 và ông H3 thì ông không đồng ý vì ông chuyển nhượng đất trước khi chung sống với bà H. Khi UBND huyện Đ thực hiện việc đăng ký, kê khai đền bù bà H không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị N (bà N ủy quyền cho ông B) trình bày:* Giữa năm 2013 ông có mua của ông Nguyễn Văn T4 trú tại xã N, huyện Đ một mảnh đất chiều rộng 12m, dài 50m, ông được biết mảnh đất trên mua của ông B1, ông B1 mua của ông L. Sau đó ông bán cho bà N, khi Nhà nước làm thủ tục đền bù giải tỏa thì ông và bà N đồng ý để bà N đứng tên trong phương án đền bù, sau đó bà N không có tiền trả nên trả lại đất cho ông. Quan điểm của ông là tài sản trên không phải của bà H nên bà H không có quyền yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ bà N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Võ Xuân Đ trình bày:* Năm 2009, bà nhận chuyển nhượng diện tích 300m² đất tại thôn A, xã N, huyện Đ, khi chuyển nhượng hai bên làm giấy tờ viết tay qua công chứng, chưa tách thửa. Sau đó bà làm nhà ở, không có tranh chấp gì. Tại quyết định số 742 và quyết định số 867 bà không có ý kiến gì. Nay bà H khởi kiện yêu cầu hủy 02 quyết định trên đối với hộ bà Đ thì bà không đồng ý vì bà đã nhận tiền bồi thường, không còn sinh sống trên đất (bút lục 460).

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quốc H3, ông Nguyễn Duy H2: Trong quá trình giải quyết Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có kết quả, tiến hành xác minh Công an xã N cho biết hộ ông H2 và hộ ông H3 có hộ khẩu tại địa phương nhưng đi đâu làm gì không báo nên chính quyền không biết. Tòa án tiến hành niêm yết theo đúng quy định đối với hộ ông H2 và ông H3.

Tuy nhiên đối với số diện tích đất Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định thu hồi và quyết định đền bù, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Duy H2, bà Phạm Thị T1, tại bản tự khai (bút lục số 31): Bà T1 khẳng định gia đình bà nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị H4 và trước đây bà H4 nhận chuyển nhượng của ông Lê Quang L, việc chuyển nhượng giữa bà H4 với ông L thì bà không rõ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc:

- Hủy một phần quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi 3722,7m² của hộ ông Ngô Quốc H3 (hủy phần quyết định thu hồi đối với diện tích 3556,2m² thuộc giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BL834879, thửa 212, tờ bản đồ 01, diện tích 5.655m được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông hộ ông Lê Quang L và bà Vũ Thị H ngày 25-4-2013).

- Hủy một phần Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi 14.549,1m² của hộ ông Nguyễn Duy H2 (hủy phần quyết định thu hồi đối với diện tích 292,5m² (theo trích lục mảnh trích đo địa chính kèm theo quyết định thu hồi) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL834879, thửa 212, tờ bản đồ 01, diện tích 5.655m² được UBND huyện Đ cấp cho ông hộ ông Lê Quang L và bà Vũ Thị H ngày 25-4-2013)

- Hủy Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi 302,4m² của hộ bà Nguyễn Võ Xuân Đ.

- Hủy Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 28-4-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi 522,6m của hộ bà Trần Thị N.

- Hủy một phần Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Ngô Quốc H3, cụ thể: theo bảng chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo quyết định đối với phần diện tích thu hồi tại lô 2.

- Hủy một phần Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Duy H2, cụ thể: theo bảng chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo quyết định đối với phần diện tích thu hồi tại lô 1.

Hủy Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Nguyễn Võ Xuân Đ.

Hủy Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 11-5-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Trần Thị N.

Hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2226/UB.QĐ ngày 15/8/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 363518 đối với các thửa đất số 966 (tt548), tờ bản đồ số 01, diện tích 432m², loại đất trồng cây hàng năm khác; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 363519 đối với thửa 967 (tt548), tờ bản đồ số 01, diện tích 300m², loại đất đất ở tại nông thôn; Giấy chứng nhận quyền số AN 363517 thửa đất 968 (tt454), tờ bản đồ số 01 diện tích 333m², loại đất trồng lúa nước, cùng tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho

ông Phạm Quan M cùng ngày 15/8/2008. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Trong các ngày 16-10-2019, 17-10-2019, 18-10-2019, 21-10-2019 và 23-10-2019, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Ngô Quốc H3, Nguyễn Võ Xuân Đ, Nguyễn Văn B, Lê Quang L kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Ngày 17-10-2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông có Quyết định số 4261/QĐ-VKS-HC; Ngày 01-11-2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 40/KNPT-VC3-V3 kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang L, bà Nguyễn Võ Xuân Đ, ông Nguyễn Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Quốc H3 vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H vì nguồn gốc đất bị thu hồi do ông H3 nhận chuyển nhượng hợp pháp, công khai từ ông Lê Quang L và có quá trình canh tác, sử dụng nên khi nhà nước thu hồi đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ bồi thường theo quy định.

Người khởi kiện là bà Vũ Thị H (có ông Bùi Mạnh H1 đại diện theo ủy quyền) xin vắng mặt nhưng có văn bản không đồng ý kháng cáo của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không đồng ý kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông. Về nguồn gốc đất là của cá nhân ông Lê Quang L được cha mẹ cho trước khi kết hôn với bà H và ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông L chuyển nhượng và bàn giao đất cho một số hộ dân. Trong vụ án ly hôn giữa ông L với bà H thì bà H đã có ý kiến xác định trước khi về chung sống với bà H thì ông L đã chuyển nhượng thửa 212 cho một số hộ dân và bà H không ý kiến gì về việc này. Quá trình giải quyết vụ án hành chính, bà H cũng thừa nhận nguồn gốc đất thửa 212 là tài sản riêng của ông L, bà H chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về mặt thủ tục.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L và những người liên quan trong vụ án mặc dù chỉ bằng giấy tay nhưng việc chuyển nhượng là công khai, bà H biết nhưng không ý kiến gì, đất là tài sản riêng của ông L, các hộ dân nhận chuyển nhượng đã thực tế sử dụng đất nên việc chuyển nhượng là hợp pháp. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi đất và bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người khởi kiện là bà Vũ Thị H (có ông Bùi Mạnh H1 đại diện theo ủy quyền), người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang L, bà Nguyễn Võ Xuân Đ, ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị N và bà Phạm Thị T1, đều xin vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy H2 và bà Nguyễn Thị L1, đều vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 229 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc phần đất bị thu hồi theo các Quyết định 717/QĐ-UBND, 775/QĐ-UBND, 742/QĐ-UBND

và 741/QĐ-UBND cùng ngày 28/4/2016 là của ông Lê Quang T3 (cha ông Lê Quang L) tặng cho ông L vào năm 1998. Năm 2002, ông L đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 193184. Năm 2011, ông L xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp đổi lại thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 507972 ngày 13/12/2011 do ông L, bà H đứng tên với diện tích 10.430m² tại thửa 107, tờ bản đồ số 1. Năm 2013, ông L, bà H tiếp tục cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 507972 thành giấy số BL 834879 ngày 25/4/2013 tại các thửa 210 = 1.800m², thửa 211 = 1.964m², thửa 212 = 5.655m².

Trong thời gian từ tháng 7/2004 đến tháng 01/2005, ông L đã chuyển nhượng bằng giấy tay diện tích 4.673,7m²/5.655m² cho các ông bà gồm ông Ngô Quốc H3, ông Nguyễn Văn T4 (sau đó ông T4 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn B, ông B chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị N), bà Nguyễn Võ Xuân Đ và bà Hoàng Thị H4 (sau đó bà H4 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Duy H2). Các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đều được lập bằng giấy tay, thực hiện trước khi ông L chung sống với bà H. Riêng bà Đ nhận chuyển nhượng năm 2009, tới ngày 15/02/2014 ông L và bà Đ lập giấy bán đất, có chữ ký nhận của bà H, người làm chứng là ông Ngô Quốc H3.

[3] Theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013 thì điều kiện để người sử dụng đất được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất là phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp. Trong vụ án này, phần đất bị thu hồi do ông L và bà H là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H3, bà N, bà Đ, ông H2 là những người đang quản lý, sử dụng đất thực tế.

[3.1] Xét, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 834879 ngày 25/4/2013 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông L, bà H:

- Nguồn gốc phần đất thuộc thửa 212 là tài sản của ông L có trước khi sống chung với bà H, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2002 (cho cá nhân ông L). Năm 2007, ông L, bà Hoa đăng k kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Năm 2011, cấp đổi lại thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L, bà H đứng tên, đến lần cấp đổi năm 2013 là hộ ông L và bà H đứng tên.

Năm 2010, đoàn đo đạc số hóa của Nhà nước đo đạc lại diện tích đất thì phần đất của ông H3 bao trùm lên phần đất ông L có tên trên sổ mục kê tại thửa số 51, tờ bản đồ số 29; Phần đất của ông H2 do bà Hoàng Thị H4 kê khai trên sổ mục kê tại thửa số 126, tờ bản đồ số 29; Phần đất của bà N do ông Đoàn Ngọc B2 kê khai trên sổ mục kê tại thửa 35, tờ bản đồ số 29; Phần đất của bà Đ có thửa đất riêng biệt đăng ký tên Lê Quang L tại thửa 127, tờ bản đồ số 29. Như vậy, khi ông L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 thì một phần diện tích đất thuộc thửa 212 đã được tách thành các thửa đất khác

riêng biệt, do người khác đứng tên trên sổ mục kê. Nhưng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vì sao ông L vẫn được cấp đổi đối với toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 212 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002, và không đưa bà Hoàng Thị H4, ông Đoàn Ngọc B2 (là những người đứng tên thửa đất trên sổ mục kê) vào tham gia tố tụng để thu thập ý kiến của những người này làm cơ sở giải quyết vụ án là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và không đảm bảo được các quyền, nghĩa vụ tố tụng của những người này theo quy định của pháp luật.

- Mặt khác, tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 10/2016/HNGĐ-PT ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã xác định quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà H không được công nhận (do giấy đăng ký kết hôn đã bị Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi theo Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 vì không đúng trình tự, thủ tục), và hủy một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp về chia tài sản chung. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 134/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp (sau khi thụ lý lại vụ án) thì bà H đã rút lại yêu cầu tranh chấp đối với thửa 212 để chờ kết quả giải quyết của vụ án hành chính.

Xét, bà H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình trước khi khởi kiện vụ án hành chính. Chứng cứ mà bà H chứng minh cho yêu cầu khởi kiện trong vụ án hành chính là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 834879 ngày 25/4/2013. Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông L, bà H là quan hệ hôn nhân. Do đó, kết quả giải quyết tranh chấp giữa bà H và ông L đối với thửa 212 là căn cứ để giải quyết vụ án hành chính. Vì bà H rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến phần tài sản này trong vụ án hôn nhân gia đình, nên chưa đủ cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H trong vụ án hành chính.

[3.2] Đối với ông H3, bà N, bà Đ, ông H2 là những người đang quản lý, sử dụng đất:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quản lý sử dụng đất thông qua giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong phạm vi vụ án hành chính Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến các giao dịch này là đúng. Mặt khác, điều kiện để ông H3, bà N, bà Đ, ông H2 được xem xét bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 là: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đất đó không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất”, là khi giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 834879 cấp ngày 25/4/2013 được xác định là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo nội dung nêu trên thì chưa đủ căn cứ để xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 834879 cấp ngày 25/4/2013, nên cũng không có đủ căn cứ để xem xét những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ điều kiện được bồi thường khi thu hồi đất.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, thiếu sót này là do yếu tố khách quan vì phạm vi giải quyết của vụ án hành chính và đương sự đã rút yêu cầu tranh chấp trong vụ án chia tài sản chung gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án này, nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, hủy bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Do bản án sơ thẩm bị hủy với lý do nêu tại mục [4] nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung vụ án.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241, Điều 229 Luật tổ tụng hành chính.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 40/KNPT-VC3-V3 ngày 01-11-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Ngô Quốc H3, Nguyễn Võ Xuân Đ, Nguyễn Văn B và Lê Quang L; Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 4261/QĐ-VKS-HC ngày 17/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện Đ, ông Ngô Quốc H3, bà Nguyễn Võ Xuân Đ, ông Nguyễn Văn B, ông Lê Quang L không phải chịu. Hoàn trả cho Ủy ban nhân

dân huyện Đ, ông Ngô Quốc H3, bà Nguyễn Võ Xuân Đ, ông Nguyễn Văn B, ông Lê Quang L mỗi đương sự 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000031 ngày 25/10/2019, 0000030 ngày 24/10/2019, 0000028 ngày 22/10/2019, 0000034 ngày 25/10/2019, 0000035 ngày 28/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đắk Nông (1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 21b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Nhựt Bình